

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG
SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/BCTN-YBM

Yên Bái, ngày 20 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Thường niên năm 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5200824701
- Vốn điều lệ: 142.998.800.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 142.998.800.000 VNĐ
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, Xã Văn Phú, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Số điện thoại: 02163.511.222
- Số Fax: 021 6629 8666
- Website: <https://ybm.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): YBM
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):

Ngày tháng	Mốc phát triển quan trọng
10/2015	Chính thức thành lập, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ với vốn điều lệ 35 tỷ đồng

10/2015	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 về dự án đầu tư: “DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 38.800 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 45.000 tấn/năm.
10/2015	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ với công suất 45.000 tấn/năm.
01/2016	Công ty chính thức đưa Nhà máy sản xuất bột đá CaCO ₃ tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái đi vào hoạt động với sản lượng 45.000 tấn/năm. Sản phẩm được các đối tác trong và ngoài nước đón nhận.
7/2016	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần 2 về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 53.800 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 80.000 tấn/năm.
8/2016	Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy giai đoạn 2 đưa 03 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ đi vào hoạt động.
4/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần 3 về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 64.596,8 m ² , công suất bột đá CaCO ₃ 250.000 tấn/năm.
4/2017	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 100 tỷ với mục đích đầu tư mua lại cổ phần, vốn góp 2 công ty, thanh toán gốc và lãi vay, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản và bổ sung vốn lưu động.
5/2017	Mua lại cổ phần, vốn góp của 2 công ty: Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái và Công ty TNHH Talc Việt Nam sở hữu 2 mỏ khoáng sản là đá hoa và quặng Talc là 2 nguyên vật liệu chính đầu vào của sản phẩm công ty sản xuất.
6/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp thêm Giấy chứng nhận đầu tư số 0558173156 lần đầu về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến,

	thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 44.000 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 105.000 tấn/năm.
11/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp thêm Giấy chứng nhận đầu tư số 0558173156 thay đổi lần thứ nhất về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CACO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 48.136,4 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 105.000 tấn/năm.
5/2018	Công ty tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 129.999.380.000 đồng.
8/2018	Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
11/2018	Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy 03,04 đưa 06 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ đi vào hoạt động
11/2019	Công ty tăng vốn điều lệ từ 129.999.380.000 đồng lên 142.998.800.000 đồng.
T12/2021	Công ty đã đầu tư thiết bị máy móc và nâng tổng số 18 dây chuyền siêu mịn và 4 dây chuyền tráng phủ, công suất có thể đạt 600.000 tấn/năm.
T3-T12/2023	Công ty đầu tư thêm 3 dây chuyền siêu mịn, nâng tổng số 21 dây chuyền siêu mịn và 4 dây chuyền tráng phủ, công suất có thể đạt 800.000 tấn/năm

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: - Bán buôn hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCO ₃) - Bán buôn quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh - Bán buôn thạch anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO)	4690 (Chính)
2	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663

4	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
5	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Khai thác đá thạch anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO) - Khai thác quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh	899
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: - Sản xuất hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCo3) - Chế biến quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh - Chế biến thạch anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO)	990
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Đại lý tàu biển - Dịch vụ vận tải đa phương thức	5229
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh kho bãi - Cho thuê đất, kho bãi, nhà xưởng và văn phòng	6810
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn phân bón	4669
12	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012

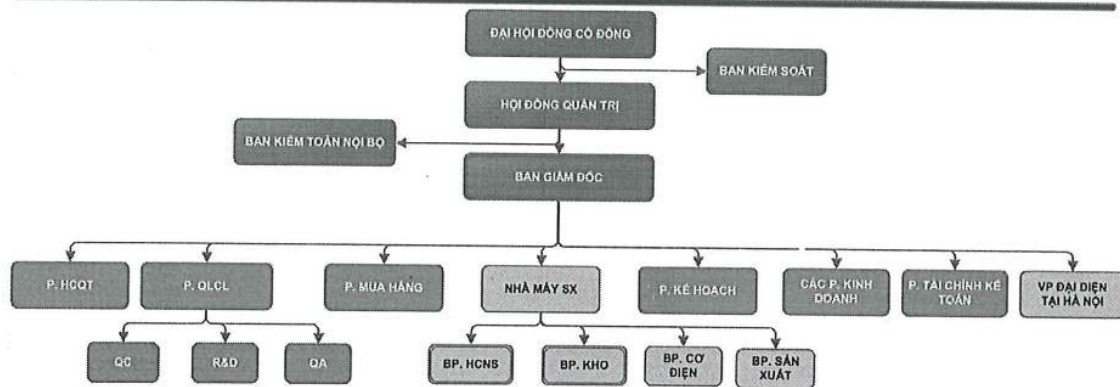
- Địa bàn kinh doanh: Công ty nhận được sự tin dùng cũng như nhiều sự khen ngợi của khách hàng thị trường trong nước và phát triển kênh bán hàng rộng rãi tới nhiều thị trường quốc tế như: Ấn Độ, Bangladesh, Trung Quốc, Indonexia....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị của Công ty hoạt động theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 bao gồm : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý như sau :

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI



Ghi chú:

Các Phòng Kinh doanh:

- Kinh doanh quốc tế
- Kinh doanh Trung Quốc
- Kinh doanh Nội địa

Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Talc Việt Nam có trụ sở chính tại 136 phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác quặng Talc. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty con này là 0% (số đầu năm là 99%). Đến ngày 03/08/2023 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Talc Việt Nam cho Công ty cổ phần Hiệp hội doanh nghiệp Tây Bắc.

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tăng sản lượng bán ra.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm bột đá chất lượng cao, các sản phẩm có tính chất tương đương, phù hợp nhu cầu đa dạng của thị trường.

- Tìm kiếm, mở rộng thị trường quốc tế, khai thác các thị trường tiềm năng: Trung Quốc. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng công nghệ kỹ thuật sản xuất tiên tiến, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tạo công ăn việc làm, duy trì quyền làm chủ của người lao động trong Công ty.
- Ổn định chất lượng sản phẩm, giữ vững niềm tin với khách hàng.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo duy trì và ngày càng tăng lợi tức cho các cổ đông.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

4.2.1 Về phát triển kinh doanh

Trong thời gian trước mắt cũng như về lâu dài, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện những chiến lược phát triển đã vạch ra:

- Phát triển và nâng cao năng lực của Công ty;
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;
- Huy động, tăng vốn Điều lệ nâng cao khả năng đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu truyền thống, đồng thời mở rộng và phát triển thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới có nhiều tiềm năng.
- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường trong nước và thế giới nhằm dự đoán đúng xu hướng thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp;
- Tăng cường công tác quản lý các mặt, đặc biệt là quản lý chi phí, quản lý nợ và đổi mới chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

4.2.2 Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.

Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).

Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.

Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.

Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

4.3 Các hoạt động khác

Đối với việc bảo vệ môi trường: nghiêm chỉnh chấp hành hướng dẫn của cơ quan chức năng; trang bị những thiết bị cần thiết.

Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...

Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái nói riêng. Do vậy, Công ty cần phải xem xét sự tác động từ các yếu tố này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Tình hình kinh tế thế giới

Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng...

Tăng trưởng chung của kinh tế thế giới sẽ đạt khoảng từ 2,5% GDP (theo tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế Fitch Ratings) đến 3% GDP (theo Quỹ Tiền tệ quốc tế - IMF và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế - OECD), so với mức tăng 3,3 - 3,5% của năm 2022. EU dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 đạt 3,2%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 5/2023; thậm chí, Ngân hàng Thế giới (WB) bi quan hơn khi cho rằng tăng trưởng toàn cầu sẽ chỉ ở mức 2,1% trong năm 2023, dù đã điều chỉnh tăng 0,4 điểm phần trăm so với dự báo đầu năm 2023. Các nền kinh tế phát triển chỉ tăng trưởng 0,7% GDP và các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi sẽ đạt 4% GDP.

IMF nhận định tăng trưởng thương mại thế giới dự kiến sẽ giảm từ 5,2% năm 2022 xuống 2,0% năm 2023, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000 - 2019. Suy giảm thương mại phản ánh nhu cầu toàn cầu giảm, gia tăng cơ cấu dịch vụ trong nước, tác động trễ của tăng giá đồng đô la Mỹ và gia tăng các rào cản thương mại toàn cầu. Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ mức 8,7% trong năm 2022 xuống còn 6,8% vào năm 2023, khi lạm phát trung bình ở phần lớn các nền kinh tế trên thế giới dự kiến giảm trong năm 2023. Chính sách tiền tệ thắt chặt tiếp tục tạo áp lực cho một số ngân hàng, cả trực tiếp (thông qua chi phí huy động vốn cao hơn) và gián tiếp (do rủi ro tín dụng ngày càng tăng). Lãi suất thực tăng ở hầu hết các nền kinh tế, ngoại trừ Nhật Bản, khuyến khích tiết kiệm, khiến đầu tư trở nên đắt đỏ hơn.

Theo báo cáo Triển vọng kinh tế Đông Nam Á, Trung Quốc và Ấn Độ 2023, cập nhật tháng 9/2023 của OECD, tăng trưởng GDP năm 2023 của Philippines đạt 5,6%; Indonesia đạt 4,7%; Malaysia đạt 3,9%; Thái Lan đạt mức 2,8% và Singapore đạt 1,4%.

Trong báo cáo Triển vọng phát triển châu Á tháng 9/2023, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) nhận định tăng trưởng của khu vực Đông Nam Á năm 2023 đạt 4,6%; trong đó, tăng trưởng GDP của Philippines là 5,7%; Campuchia là 5,3%, Indonesia là 5,0%, Malaysia là 4,5%, Lào là 3,7%, Thái Lan là 3,5%, Brunei và Myanmar đều 2,8%, còn Singapore là 1%.

Về tổng thể, nền kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn bấp bênh trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chồng chéo, như đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga - Ukraine và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát và hướng tới tài chính công bền vững; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản... Giá năng lượng cao và tăng lãi suất cùng với hoạt động kinh tế chậm lại ở các nền kinh tế phát triển có thể dẫn đến gia tăng các khoản nợ xấu, làm giảm giá trị tài sản dài hạn. Sự kết hợp giữa giá nhà giảm và thị trường việc làm yếu có thể làm tăng tình trạng vỡ nợ thế chấp, gây áp lực lên lợi nhuận của các ngân hàng, dẫn tới tăng chi phí đi vay và hạn chế dự địa dành cho chi tiêu ưu tiên và làm tăng nguy cơ khủng hoảng nợ. Tăng trưởng tiềm năng toàn cầu dự kiến sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong ba thập kỉ, đạt 2,2% trong thời gian còn lại của thập niên 2020 gắn với lực lượng lao động toàn cầu đang già đi và tăng trưởng chậm hơn, tốc độ tăng trưởng đầu tư và năng suất các nhân tố tổng hợp ngày càng giảm; sự phân mảnh địa kinh tế ngày càng sâu sắc, với nhiều hạn chế hơn về thương mại, dịch chuyển vốn xuyên biên giới, công nghệ, lao động và thanh toán quốc tế có thể làm gia tăng biến động về giá cả hàng hóa và cản trở sự hợp tác đa phương trong việc cung cấp hàng hóa công toàn cầu. Ngoài

ra, nền kinh tế toàn cầu ngày càng dễ bị tổn thương trước những cú sốc do biến đổi khí hậu.

Tình hình kinh tế Việt Nam

Việt Nam bước vào năm 2023 với những thuận lợi cơ bản từ đà phục hồi kinh tế ấn tượng của năm 2022: Việt Nam đã trở thành nền kinh tế lớn thứ tư của ASEAN và thứ 40 của thế giới, năng động và có độ mở cao, với quy mô thương mại quốc tế nằm trong TOP20 của thế giới, xếp thứ 30 trong bảng xếp hạng các quốc gia hùng mạnh nhất thế giới. Chỉ số sẵn sàng trí tuệ nhân tạo (AI) của Việt Nam xếp hạng 55 toàn cầu và xếp thứ 6/10 trong ASEAN. Việt Nam đứng thứ 7/30 trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương về chỉ số tích hợp phát triển bưu chính 2IPD trong Báo cáo về Hiện trạng phát triển bưu chính toàn cầu năm 2022 của Liên minh Bưu chính thế giới (UPU), với 174 nước thành viên công bố trong tháng 10/2023.

Đặc biệt, năm 2023, Việt Nam tiếp tục nhận được sự đánh giá cao và cải thiện nhiều chỉ số xếp hạng quốc tế: “Chỉ số hạnh phúc toàn cầu” của Việt Nam tăng 12 bậc trong xếp hạng của Liên hợp quốc năm 2023. Với “Chỉ số Đổi mới sáng tạo” của Việt Nam tăng 2 bậc so với năm 2022, Việt Nam được xếp hạng 46/132 quốc gia, nền kinh tế trong Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2023 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố ngày 27/9/2023. Đồng thời, giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam đạt 431 tỉ USD, tăng 01 bậc lên thứ 32/100 thương hiệu quốc gia mạnh trên thế giới.

Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) Klaus Schwab trong cuộc gặp với Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ngày 5/9/2023, đã nhấn mạnh: Việt Nam là điểm sáng của tăng trưởng kinh tế sau đại dịch Covid-19 nhờ cách tiếp cận toàn diện về quản lý kinh tế vĩ mô, giúp đưa nền kinh tế vượt qua các thách thức của bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay.

Năm 2023, các hoạt động đối ngoại diễn ra sôi động, liên tục, nổi bật là sự kiện Việt Nam và Israel đã ký Hiệp định Thương mại tự do (FTA); Việt Nam đang khởi động đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam với Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (CEPA); Việt Nam và 13 đối tác trong khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì Thịnh vượng (IPEF) cũng đã công bố kết thúc đàm phán về Thỏa thuận chuỗi cung ứng IPEF quốc tế đầu tiên giữa các thành viên.

Đặc biệt, với việc nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên đối tác chiến lược toàn diện, đến nay, Việt Nam đã có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và đối tác chiến lược với tất cả các nước Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các nước phát triển nhất thế giới (G20).

Năm 2023, Chính phủ tiếp tục Chương trình phục hồi và các chương trình mục tiêu quốc gia, kiểm soát được sự ổn định vĩ mô, sự tăng trưởng cao của thị trường trong nước, duy trì được các cân đối lớn của nền kinh tế, kiểm soát an toàn lạm phát, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài, bội chi ngân sách nhà nước.

Tăng trưởng kinh tế từng bước được phục hồi, quý sau cao hơn quý trước, nhiều bứt phá trong cải thiện cơ cấu kinh tế. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng GDP năm 2023 của cả nước ước đạt trên 5%, mặc dù thấp hơn chỉ tiêu đề ra (khoảng 6,5%) nhưng vẫn cao hơn gấp đôi mức tăng GDP trung bình thế giới và thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2023.

Nhiều tín hiệu cho thấy, Việt Nam đang và sẽ có sự gia tăng mạnh mẽ và sâu hơn vào một số chuỗi cung ứng mới của thế giới trong nhiều lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ công nghệ cao. Tính đến ngày 20/11/2023, tổng thu hút FDI đạt gần 28,85 tỉ USD, tăng 14,8%; FDI thực hiện ước đạt 20,25 tỉ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, năm 2023 đang có làn sóng nhà đầu tư từ Anh, Mỹ và châu Âu mong muốn tìm kiếm cơ hội tại thị trường Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, bán lẻ, chip bán dẫn, thực phẩm, sản xuất kho bãi, tài chính ngân hàng...

Tuy vậy, năm 2023, nhiều động lực tăng trưởng chính chậm lại, đối mặt với nhiều khó khăn; kim ngạch xuất khẩu ước giảm 3,5%, nhập khẩu ước giảm 4,2%; nợ xấu có xu hướng tăng; các thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro. Việt Nam vẫn gặp áp lực hoàn thành mục tiêu tăng trưởng bình quân 5 năm (6,5 - 7%) do tăng trưởng kinh tế gặp nhiều thách thức; ổn định kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc; sức chống chịu của nhiều doanh nghiệp đã đến mức tới hạn; hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục còn nhiều khó khăn. Cùng với đó, một số chính sách trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai còn chậm; giải ngân vốn đầu tư công đã được cải thiện đáng kể, nhưng chưa được như kì vọng. Việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập chưa đạt kế hoạch... Tiến độ xây dựng thể chế, chính sách thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm. Cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng chưa có nhiều thay đổi đáng kể. Phát triển lực lượng

doanh nghiệp có dấu hiệu chững lại, năng lực hấp thụ vốn giảm. Các ngành kinh tế chưa chuyên dịch mạnh về tăng năng suất, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ; năng lực tự chủ và khả năng chống chịu còn nhiều hạn chế. Các loại thị trường hoạt động chưa hiệu quả, chưa đảm bảo điều kiện phát triển bền vững...

5.2 Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là những rủi ro thay đổi chính sách theo chiều hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro luật pháp còn là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán các bộ luật về Thuế và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Luật chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán có hiệu lực phần nào cũng tác động đến các vấn đề về công bố thông tin và các quy định chặt chẽ hơn đối với Công ty niêm yết nói chung và YBM nói riêng. Công ty cũng đang tiến hành rà soát các hệ thống văn bản, điều lệ, quyết định hiện tại để phổ biến cho cán bộ nhân viên và thay đổi theo đúng quy định của pháp luật.

Để kịp thời dự báo, ứng phó cũng như giúp Công ty có sự chuẩn bị tốt nhất đối với những thay đổi trong chính sách về luật, YBM thường xuyên theo dõi, cập nhật những biến động luật pháp để kịp thời tham mưu, tư vấn cho Ban lãnh đạo có thể tận dụng tối ưu những điều kiện pháp lý có lợi và giảm thiểu thiệt hại khi một chính sách bất lợi với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty được đưa ra.

5.3 Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro đặc thù trong ngành bột đá Canxi Cacbonat (CaCO_3)

Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí trong khai thác, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, những quy định này đôi khi cũng gây những khó khăn cho các doanh nghiệp. Trước khi xin được giấy phép khai thác, doanh nghiệp phải thực hiện công tác điều tra, thăm dò địa chất để ra được báo cáo hàm lượng và trữ lượng của mỏ. Trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị lỗ một khoản chi phí

nhất định đối với công tác làm địa chất. Thêm vào đó, yêu cầu về công nghệ khai thác cũng rất nghiêm ngặt, đầu tư chi phí ban đầu rất lớn. Một rủi ro khác mà doanh nghiệp phải đối mặt đó là, rủi ro trong trường hợp khâu thăm dò không phản ánh đúng thực tế (số lượng và chất lượng kém hơn thực tế). Công suất khai thác thực không đạt kế hoạch ước tính ban đầu sẽ đẩy chi phí thành phẩm lên cao, sản phẩm sẽ không cạnh tranh và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp kế hoạch sản xuất của Công ty.

Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.

b) Rủi ro đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh hạt nhựa

Số lượng công ty tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa lớn, cùng việc phân tán khiến gia tăng áp lực cạnh tranh trong ngành. Ngành nhựa là ngành phân tán nên không có công ty nào đủ khả năng chi phối các công ty còn lại.

Bên cạnh đó, giá nguyên liệu đầu vào phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá thế giới và chiếm 80% trong cơ cấu chi phí sản xuất, điều này khiến biên lợi nhuận của công ty dễ bị tác động khi có thay đổi yếu tố đầu vào. Để đảm bảo mức sinh lời, nhiệm vụ đặt ra cho các công ty nhựa là duy trì và gia tăng thị phần đầu ra, điều này tăng áp lực cạnh tranh trong ngành.

Ngoài ra, mức độ khác biệt giữa các sản phẩm nhựa trong nước không cao, khách hàng có thể dễ dàng chuyển đổi nhà cung ứng mà không phải chịu nhiều chi phí do các sản phẩm nhựa của các công ty có độ phủ rộng khắp cả nước.

VPA cho rằng, đối với các công ty nhựa vật liệu xây dựng, chi phí đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị lớn khiến các công ty nhóm này phải chạy đua về sản lượng tiêu thụ nhằm bù đắp lại phần chi phí cố định đã đầu tư.

Ngành nhựa bao bì vẫn tăng trưởng tuy nhiên gia tốc tăng trưởng đang chậm lại, số lượng công ty sản xuất bao bì lớn, điều này khiến mức độ cạnh tranh trong mảng nhựa bao bì ngày càng gia tăng.

c) Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Những biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường có thể gây ảnh hưởng xấu đến các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Việc biến động giá có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, như quy luật cung- cầu trên thị trường, tâm lý sợ hãi và tham lam của các nhà đầu tư, những thông tin không

chắc chắn và những biến động giá từ thị trường quốc tế, hay do chính bản thân doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, thua lỗ... Những điều này có thể làm cho giá cổ phiếu của doanh nghiệp sụt giảm nghiêm trọng, làm doanh nghiệp khó huy động vốn. Do đó, doanh nghiệp luôn hỗ trợ nhà đầu tư bằng việc cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời, nhằm giúp nhà đầu tư có thể đưa ra quyết định đúng đắn nhất dựa trên kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	555.433.451.210
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.717.975.570
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	553.715.475.640
4	Giá vốn hàng bán	387.408.084.822
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.307.390.818
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.865.588.187
7	Chi phí tài chính	19.482.659.913
8	Chi phí bán hàng	124.768.018.987
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.858.295.049
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.064.005.056
11	Thu nhập khác	300.449
12	Chi phí khác	341.367.716
13	Lợi nhuận khác	-341.067.267
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.722.937.789
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.317.898.710

16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.405.039.079
----	--	----------------

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% tăng, giảm
1	Doanh thu thuần (VND)	480.000.000.000	553.715.475.640	15,3%
2	Lợi nhuận trước thuế (VND)	14.000.000.000	16.722.937.789	19,4%
3	Thuế TNDN (VND)	2.800.000.000	3.317.898.710	18,5%
4	Lợi nhuận sau thuế (VND)	11.200.000.000	13.405.039.079	19,7%
5	Tỷ suất LN/DT (%)	2,33	2,42	3,7%
6	Thu nhập bình quân (triệu VND/người)	9,0	9,8	8,8%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Đức Hậu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Hoàng Anh Quân	Giám đốc
3	Lê Hoàn	Phó Giám Đốc

• Ông Vũ Đức Hậu – Chủ tịch HĐQT Công ty

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1957
Quốc tịch	Việt Nam
Chỗ ở hiện tại	Tổ 4, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
CCCD	036057000294

Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp Đại học Sư phạm I – Hà Nội
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 31/08/2023)	Tổng: 105.938 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 105.938 cổ phiếu, chiếm 0,74% vốn điều lệ. <ul style="list-style-type: none"> Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	

• Ông Hoàng Anh Quân – Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/02/1987
Nơi sinh	Thôn Đại Tự, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ dân phố số 16, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
CCCD	026087004845
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ hiện nay	Giám đốc- Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 31/08/2023)	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu

• Ông Lê Hoàn – Phó Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/09/1984
Nơi sinh	Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý, Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thịnh Hưng – Yên Bình – Yên Bái
Chỗ ở hiện tại	Thịnh Hưng – Yên Bình – Yên Bái
CCCD	015084004250
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa
Chức vụ hiện nay	Phó GD Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/08/2023	Tổng 150.000 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 150.000 phiếu chiếm 1.05% Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	

2.2 Nhân viên Công ty

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Số lượng nhân viên, chính sách lao động

Tiêu chí	Giá trị
Số lượng nhân sự đến 31/12/2023	182 người
Thu nhập bình quân năm 2023	9,8 triệu / người/ tháng

- **Chế độ làm việc:**

Công ty luôn bố trí sắp xếp đủ việc làm cho người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ đối với

người lao động theo các quy định.

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBCNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: CBCNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

- **Chính sách đào tạo:**

Do yêu cầu vận hành các dây chuyền kỹ thuật mới trong xây dựng nên vấn đề đào tạo và đào tạo lại được Công ty thực hiện thường xuyên và liên tục.

Trong công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng các hoạt động đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho khối cán bộ quản lý. Việc đào tạo thường được tiến hành tại Công ty, ngoài ra Công ty cũng cử cán bộ công nhân viên đi học nâng cao tại các trường đại học, các trung tâm hoặc tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn để cập nhật kiến thức, thông tin mới.

- **Chính sách lương thưởng vào phúc lợi:**

Công ty áp dụng phương án trả lương theo chức danh công việc, theo năng suất, mức khoán tùy theo vị trí công việc được giao, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, vị trí công việc nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao.

Tiếp tục duy trì thực hiện chế độ phụ cấp cho các chức danh và vị trí có yêu cầu đặc biệt để đảm bảo khuyến khích lao động gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty.

- **Chính sách trợ cấp:**

Trợ cấp khó khăn tùy theo mức độ;

Trợ cấp thôi việc theo Luật hiện hành và Công ty cũng trợ cấp thêm tiền ngoài Luật

- **Các chính sách khác:**

Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không

b) Các công ty con, công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của YBM (%)	Giá trị sở hữu của YBM (tỷ VNĐ)
Công ty TNHH TALC Việt Nam	136 Phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Khai thác quặng TALC	15	99	14.85

+ Đến thời kỳ kết thúc BCTC năm 2023: Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty TNHH Talc Việt Nam cho Công ty cổ phần Hiệp hội doanh nghiệp Tây Bắc.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ Indicators	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	VNĐ	410.549.061.155	564.823.888.475	37,58%
Doanh thu thuần	VNĐ	429.175.613.393	553.715.475.640	29,02%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	VNĐ	12.498.608.517	17.064.005.056	36,53%
Lợi nhuận khác	VNĐ	-55.905.521	-341.067.267	510%
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	12.442.702.996	16.722.937.789	34,40%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	9.864.548.151	13.405.039.079	35,89%

Tỷ lệ LN trả cổ tức	%	10	5	100%
---------------------	---	----	---	------

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,06 0,71	1,00 0,73	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản) + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,57 1,35	0,68 2.12	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài Sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	5.97 1,01	5,34 1,14	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	2,90% 8,70%	3.02% 11,70%	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,03%	2.96%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.91%	3.08%	

Qua các số liệu hoạt động SXKD của Công ty năm 2023 cho thấy:

Năm 2023, công ty tập trung đầu tư trang thiết bị máy móc, nhà xưởng, khai thác tối ưu công suất sản xuất, đẩy mạnh sản lượng bán ra khiến cho lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng 35% so với năm 2022.

Về nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán vẫn trong mức an toàn: Hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,0. Hệ số thanh toán nhanh 0,73.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 14.299.880 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 14.299.880 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 31/08/2023:

STT	Danh mục	Số lượng (Cổ đông)	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	792	14.259.234	142.592.340.000	99,72%
1	Cổ đông tổ chức	6	3.290.728	32.907.280.000	23,01%
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	786	10.968.506	109.685.060.000	76,71%
II	Cổ đông nước ngoài	21	39.646	396.460.000	0,28%

1	Cổ đông tổ chức	6	7.235	72.350.000	0,05%
2	Cổ đông cá nhân	15	32.411	324.110.000	0,23%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng:	813	14.299.880	142.998.800.000	

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện.

a) Chi phí năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 80,643,643,377VNĐ

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Chi phí sử dụng nước: 41.785.332 VNĐ

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước sử dụng là nước sinh hoạt không tái chế, tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan học tập sau một năm làm việc vất vả. Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty có 182 nhân viên đang làm việc. Thu nhập bình quân từ 9.8 triệu/người/tháng, luôn đảm bảo trả lương ngày 15 hàng tháng, không có tháng nào nợ lương, nợ bảo hiểm.

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Thời gian làm việc, nghỉ ngơi, ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ hàng năm, lễ, tết công ty đều thực hiện theo Luật lao động sao cho phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty. Các chế độ trợ cấp, thăm hỏi, ốm đau, thai sản, kết hôn... được thực hiện đầy đủ theo quy định của nhà nước.

Duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm và tặng quà sinh nhật cho toàn thể Cán bộ công nhân viên.

Thực hiện chi trả tháng lương thứ 13 cho người lao động, Thường các ngày lễ lớn và Tết nguyên đán.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa tiến hành

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VNĐ	429.310.145.493	555.433.451.120	29,38%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	VNĐ	134.532.100	1.717.975.570	1.177%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VNĐ	429.175.613.393	553.408.084.822	29,02%
4	Giá vốn hàng bán	VNĐ	289.620.823.771	387.408.084.822	33,76%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VNĐ	139.554.789.622	166.307.390.818	19,17%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	VNĐ	2.544.079.671	2.865.588.187	12,64%
7	Chi phí tài chính	VNĐ	14.910.047.294	19.482.659.913	30,67%
8	Chi phí bán hàng	VNĐ	106.025.941.780	124.768.018.987	17,68%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VNĐ	8.664.271.702	7.858.295.049	-9,3%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	VNĐ	12.498.608.517	17.064.005.056	36,53%
11	Thu nhập khác	VNĐ	3.891.485	300.449	-92,28%

12	Chi phí khác	VNĐ	59.797.006	341.367.716	470%
13	Lợi nhuận khác	VNĐ	-55.905.521	-341.067.267	510%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	VNĐ	12.442.702.996	16.722.937.789	34,40%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VNĐ	2.578.154.845	3.317.898.710	28,69%
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VNĐ	9.864.548.151	13.405.039.079	35,89%

(Số liệu lấy theo báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán)

Trong năm 2023, Công ty đã tăng cường sản xuất, đẩy mạnh công tác bán hàng khiến cho tổng sản lượng sản xuất cũng như bán ra trong năm tăng mạnh so với năm 2022, các khoản mục doanh thu, chi phí cũng tăng mạnh, cụ thể:

- Doanh thu thuần tăng 124,5 tỷ tương đương 29,02%.
- Giá vốn hàng bán tăng 97,7 tỷ tương đương 33,76%.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 321 triệu tương đương 12,64%.
- Chi phí tài chính tăng 4,5 tỷ tương đương 30,49%.
- Chi phí bán hàng tăng 18,7 tỷ tương đương 17,68%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 739 triệu tương đương 28,69%.

Từ các nguyên nhân trên khiến cho Lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng 35% so với năm 2022.

Cơ cấu doanh thu	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bột đá	403.019.327.493	94%	555.433.451.210	96%
+ Trong nước	292.179.547.461	68%	407.980.840.217	70%
+ Xuất khẩu	110.839.780.032	26%	147.452.610.993	26%
Doanh thu khác	26.290.818.000	6%	20.517.850.000	4%
Tổng	429.310.145.493	100%	429.310.145.493	100%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Công ty đã hoàn chỉnh đầy đủ và ban hành thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ các quy chế quản lý: Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý kinh tế kỹ thuật, quản lý tổ chức lao động, quản lý an toàn, bảo hộ lao động, quản lý thiết bị, quy chế giao khoán nội bộ, chế độ báo cáo thống kê, hình thành hệ thống quản trị đồng bộ, khép kín các quy chế quản lý đó, tạo ý thức chấp hành của toàn thể CBCNV đã đi vào nề nếp mang lại hiệu quả thiết thực.

Công ty không ngừng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất kinh doanh và công việc quản lý, các thiết bị cho công tác kiểm tra chất lượng. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ đi học, đào tạo nhân viên, tuyển dụng các kỹ sư có trình độ, kinh nghiệm về làm việc để có thể sử dụng được thành thạo và hiệu quả các thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	198.116.139.027	289.940.506.938
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.440.056.143	21.497.749.792
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.713.226.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	94.801.883.848	150.661.026.955
IV.	Hàng tồn kho	66.888.324.318	78.234.930.239
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	212.285.068.618	274.883.381.537
I.	Các khoản phải thu dài hạn	346.953.700	353.298.600
II.	Tài sản cố định	189.032.640.708	235.446.249.786
III.	Bất động sản đầu tư		
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	0	30.986.920.207
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	14.629.996.685	0
VI.	Tài sản dài hạn khác	8.275.477.525	8.096.912.944
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	410.401.207.645	564.823.888.475

(Số liệu lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023)

Cơ cấu tài sản ngắn hạn	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	50%	51%	3,67%
Tiền/ Tài sản ngắn hạn	9%	7%	17,62%
Phải thu ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn	50%	52%	3,93%
Hàng tồn kho/ Tài sản ngắn hạn	32%	27%	-15,68%
Tài sản ngắn hạn khác/ Tài sản ngắn hạn	8%	10%	24,31%

Nhìn vào 2 bảng chỉ số trên, ta thấy quy mô tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản năm 2023 không có nhiều biến động so với năm 2022. Chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn tăng 3,93%, đồng thời chỉ tiêu Hàng tồn kho giảm tương đương 15,68% so với năm ngoái, chứng tỏ lực bán năm nay tăng mạnh so với năm ngoái, thị trường có nhiều khởi sắc.

Năm 2023, Tài sản dài hạn tăng 29,2% so với năm 2022 chủ yếu là do công ty đã tập trung đầu tư máy móc trang thiết bị và nhà xưởng để tăng quy mô sản xuất kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/ giảm (%)
C	NỢ PHẢI TRẢ	235.633.386.149	383.770.967.900	62,89%
I	Nợ ngắn hạn	194.494.101.528	289.554.915.810	48,88%
II	Nợ dài hạn	41.109.284.621	94.216.052.090	129%

D	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	174.797.821.496	181.052.920.575	3,58%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	410.401.207.645	564.823.888.475	37,63%

Công ty đã quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Công ty đã theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tinh gọn cơ cấu tổ chức, các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp tham gia điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí.

Xây dựng các chính sách, phúc lợi, tăng lương cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Chiến lược phát triển nâng cao năng lực Công ty:

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu tổ chức của Công ty, nâng cao năng lực và vị thế cạnh tranh, phạm vi hoạt động và sản xuất đa dạng.

Củng cố và xây dựng bộ máy tham mưu giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty gọn nhẹ nhưng thực sự tinh nhuệ, đủ mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng để đảm đương và hoàn thành các công việc thật sự chất lượng, hiệu quả.

4.2 Chiến lược phát triển trong sản xuất kinh doanh

Tiếp tục thực hiện đầu tư đạt hiệu quả vào các lĩnh vực có tính bền vững và tiềm năng lâu dài, cụ thể là: Sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃. Đầu tư máy móc, dây chuyền sản xuất mới, mở rộng nhà xưởng, nhà kho theo kế hoạch tăng trưởng về sản lượng của công ty trong tương lai.

Tăng cường tìm kiếm thêm thị trường quốc tế đặc biệt là thị trường Trung Quốc, và tiếp tục khai thác tập khách hàng còn lại tại thị trường nội địa để đẩy mạnh sản lượng bán.

Tìm kiếm các cơ hội đầu tư khai thác mỏ đá, vận tải để cấp nguyên liệu đầu vào trực tiếp trong các

năm tới.

4.3 Chiến lược đầu tư, đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao thu nhập CBCNV, có cơ chế ưu đãi khuyến khích động viên cán bộ, nhân viên, công nhân kỹ thuật khi phải đảm nhận nhiệm vụ, đảm đương các công việc có tính chất phức tạp và nằm tại các vùng khó khăn, yên tâm công tác.

Tạo điều kiện và môi trường làm việc để mỗi cá nhân có cơ hội tự phát triển, hoàn thiện, nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình.

Thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên đi tập huấn ngắn hạn, dài hạn để nâng cao chất lượng cán bộ, trình độ chuyên môn.

Hợp tác đào tạo hoặc gửi đi đào tạo khối công nhân kỹ thuật để có thể tiếp cận và vận hành các dây chuyền sản xuất mới, hiện đại.

Chiến lược huy động vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần:

Huy động nguồn vốn từ các cá nhân, tổ chức; phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để huy động bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án tiềm năng mà Công ty đang triển khai.

Công tác tài chính

Tìm phương án phù hợp để giải quyết bài toán Quy mô tài chính phù hợp. hiệu quả đáp ứng dòng đầu tư từ sản xuất kinh doanh, phát triển quảng bá sản phẩm, sửa chữa nhà máy, máy móc thiết bị, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh năm 2023 và những năm tới.

Công tác tổ chức

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị nội bộ phù hợp và hiệu quả với mọi hoạt động của Công ty.

Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cụ thể đánh giá chất lượng lao động.

Đầu tư trọng điểm cho nhân sự, cán bộ, nhân viên Công ty trong mọi bộ phận luôn là yếu tố then chốt quyết định kết quả công việc.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

a. Công tác phát triển Công ty

Hiện tại lĩnh vực chủ yếu của YBM là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃, đây là những lĩnh vực có nhiều triển vọng và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà Nước. Trong những năm tới, Công ty đã đề ra chiến lược gia tăng sản xuất kinh doanh như: phát triển nguồn nhân lực, huy động vốn, tiếp tục củng cố, kiện toàn cũng như mở rộng ngành nghề. Đồng thời đầu tư trang thiết bị máy móc, mở rộng nhà xưởng sản xuất, tìm thời cơ phát triển mở rộng thị trường, cải tiến sản phẩm đa dạng phù hợp với thị trường, tăng công suất sản xuất lên 1.000.000 tấn trong 2 năm tới.

b. Công tác tài chính

- Lập kế hoạch dự toán tài chính hàng tháng, quý năm từ các bộ phận để tổng hợp thành dự toán tài chính toàn Công ty với mục đích sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn kinh doanh.
- Năm 2023 Công ty thực hiện đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, cổ đông, người lao động theo nghị quyết Đại hội cổ đông giao.
- Năm 2023 Công ty đã thuê Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng điều lệ quy định.

c. Công tác tổ chức.

- Bổ nhiệm các cán bộ quản lý có năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình phục vụ công tác quản lý của các bộ phận chức năng trong Công ty.
- Ban hành các Quy chế quản lý Công ty theo Điều lệ và phù hợp thực tế để quản trị Công ty khoa học, hiệu quả.
- Bổ sung thêm nhân sự có năng lực phù hợp yêu cầu công việc cho các bộ phận phục vụ công tác theo đúng Quy trình thi tuyển dụng công khai, minh bạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Chủ tịch HĐQT, Ban giám đốc đứng đầu là Giám đốc Công ty đã điều hành linh hoạt, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và là người đại diện trước pháp luật đã điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, tuân thủ nghiêm túc các quy định của Pháp luật hiện hành, phù

hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã phân giao nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên trong Ban giám đốc phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty, chỉ đạo các phòng ban rà soát, hoàn chỉnh quy chế và kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự; Nắm bắt và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đã hoàn thành tương đối theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, thực hiện đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội cho người lao động, công tác an sinh xã hội, nhân đạo, từ thiệnvà có kế hoạch chuẩn bị nguồn cho kế hoạch trả cổ tức trong những năm tiếp theo.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	105.938	0.74%
2	Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

(Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 08 năm 2023)

(b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ gồm có 3 thành viên, thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ theo Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị giám sát Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết, quyết định đại hội cổ đông, các quy chế quản lý và điều lệ của Công ty đã ban hành.

Hàng tháng HĐQT kiểm điểm công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng trước và kế hoạch tháng, quý sau; nắm bắt kịp thời các bất cập tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục yêu cầu BGD thực hiện.

Phê duyệt và giám sát việc cân đối về nguồn lực, vật lực, trang thiết bị để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch của Ban giám đốc điều hành.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

HĐQT đã chỉ đạo và theo sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với Ban Giám đốc và không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty và các cán bộ quản lý.

- Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Vũ Đức Hậu	13/13	100%	
2	Ông Hoàng Anh Quân	13/13	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Thanh	13/13	100%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	2301/QĐ-YBM	09/02/2023	Thay đổi Giám đốc – Người đại diện Pháp luật của Công ty	100%
2	2302/NQ-HĐQT	12/04/2023	Thông qua việc lùi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
3	2303/NQ-HĐQT	26/04/2023	Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2023	100%
4	2304/NQ-HĐQT	29/05/2023	Chấp thuận giao dịch với bên liên quan	100%
5	2305/NQ-HĐQT	30/05/2023	Thông qua phương án thuê tài chính tại VCBL	100%
6	2306/NQ-HĐQT	21/06/2023	Thông qua KHKD 2023-2024 và phương án vay vốn tại NH TMCP công thương Việt Nam	100%
7	2307/NQ-HĐQT	21/06/2023	Lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội làm	100%

			đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023	
8	2309/NQ-HĐQT	28/06/2023	Thoái vốn tại Công ty TNHH TALC Việt Nam	100%
9	2308/NQ-HĐQT	28/07/2023	Thuê tài chính tại Cty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP ngoại thương VN	100%
10	2310/NQ-HĐQT	07/08/2023	Chi trả cổ tức năm 2022	100%
11	2311/NQ-HĐQT	09/08/2023	Thay đổi ngày chi trả cổ tức năm 2022	100%
12	12/2023/NQ-YBM	20/12/2023	Điều chỉnh hạn mức vay vốn tại NH TMCP Công thương Việt Nam	100%
13	2313/NQ-HĐQT	21/12/2023	Vay vốn tại NH TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam	100%

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban kiểm soát	27/06/2020	
2	Ông Mai Đình Đình	Kiểm soát viên	27/06/2020	
3	Ông Lê Đình Chinh	Kiểm soát viên	27/06/2020	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	27/06/2020	02	100%		
2	Ông Mai Đình Đình	Kiểm soát viên	27/06/2020	02	100%		
3	Ông Lê Đình Chính	Kiểm soát viên	27/06/2020	02	100%		

- **Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp 2020;
- Kiểm soát hoạt động Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.
- Tham gia đầy đủ và góp ý kiến trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

- **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Ban kiểm soát đã phối hợp cùng Ban Tài chính – kế toán, Ban Tổng giám đốc của Công ty tổ chức kiểm soát báo cáo tài chính, hoạt động các công ty thành viên.

- **Hoạt động khác của BKS (nếu có):** Không có.

-

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.

a) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không

ĐVT: cổ phiếu

Họ tên cổ đông	Ngày đăng ký giao dịch	Số lượng CP trước khi giao dịch	Số lượng CP Đăng ký mua	Số lượng CP mua	Số lượng CP đăng ký bán	Số Lượng CP bán	Số lượng CP sau khi giao dịch

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

c) Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao/tháng	Tổng thù lao
1	Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	120.000.000
2	Nguyễn Thị Thanh	TV HĐQT	5.000.000	30.000.000
3	Nguyễn Thị Ngọc Dung	TV HĐQT	5.000.000	30.000.000
4	Hoàng Anh Quân	TV HĐQT	5.000.000	60.000.000
5	Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	3.000.000	36.000.000
6	Mai Đình Đình	TV BKS	2.000.000	24.000.000
7	Lê Đình Chinh	TV BKS	2.000.000	24.000.000
	Tổng			324.000.000

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Thực hiện theo đúng quy chế quản trị Công ty, điều lệ tổ chức hoạt động và quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán) bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết

minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, đã được đăng tải trên website: ybm.com.vn/.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hồng Anh Quân